

QUY ĐỊNH

Về chuẩn hoá năng lực ngoại ngữ cho Cán bộ giảng dạy và sinh viên tại trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 629/QĐ-ĐHGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2016
của Hiệu trưởng trường Đại học Giao thông Vận tải TP Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về chuẩn hoá năng lực ngoại ngữ cho Cán bộ giảng dạy và sinh viên tại trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh (trường ĐH GTVT TP HCM) bao gồm: Khung chương trình giảng dạy, chuẩn đầu ra, tổ chức kiểm tra đánh giá, phân loại trình độ ngoại ngữ của giảng viên, sinh viên; tổ chức lớp học phân ngoại ngữ; điều kiện miễn học, miễn thi và kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp.

2. Văn bản này áp dụng đối với giảng viên; sinh viên đại học, cao đẳng, học viên cao học, nghiên cứu sinh tại trường ĐH GTVT TP HCM.

Đối với sinh viên thuộc các lớp Chương trình chất lượng cao, chương trình đặc biệt khác, Nhà trường ban hành quy định riêng để bảo đảm đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho từng chương trình.

Điều 2. Ngoại ngữ và chuẩn đầu ra cho các trình độ đào tạo trong trường

1. Ngoại ngữ chung cho các trình độ đào tạo và các chuyên ngành đào tạo trong trường ĐH GTVT TP HCM là tiếng Anh.

Ngoài ra đối với các chương trình đào tạo đặc thù có thể sử dụng ngôn ngữ khác thì có qui định riêng.

2. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đào tạo đại học và cao đẳng chính qui trong trường từ khóa học 2016 - 2017 được áp dụng theo Quyết định số 228/QĐ-ĐHGTVT ngày 13/04/2015 của Hiệu trưởng trường ĐH GTVT TP HCM; hoặc bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng chuyên ngành tiếng Anh hoặc tương đương.

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đào tạo thạc sỹ trong trường từ khóa học 2016 - 2017 là bậc 3.5 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương.



Chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đào tạo tiến sỹ trong trường từ khóa học 2016 - 2017 là bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương.

Chi tiết quy đổi trình độ ngoại ngữ như trong Phụ lục 1.

Điều 3. Các hình thức đào tạo Ngoại ngữ

Hoạt động đào tạo Ngoại ngữ được thực hiện dưới hai hình thức: đào tạo ngoại ngữ chính khóa và đào tạo ngoại ngữ ngoại khóa.

1. Đào tạo ngoại ngữ chính khóa: Giờ học ngoại ngữ chính khóa là hoạt động giáo dục bắt buộc, được thực hiện theo chương trình, kế hoạch đào tạo hàng năm của nhà trường.

2. Đào tạo ngoại ngữ ngoại khóa là các hoạt động đào tạo nhằm đảm bảo đạt chuẩn đầu vào hoặc chuẩn đầu ra theo qui định và không mang tính bắt buộc.

Chương II

QUY ĐỊNH CHUẨN VỀ CHƯƠNG TRÌNH NGOẠI NGỮ

Điều 4. Chương trình các học phần ngoại ngữ

1. Chương trình các học phần ngoại ngữ dùng cho sinh viên cao đẳng, đại học và học viên cao học trong Nhà trường thể hiện mục tiêu chương trình, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ hành vi của người học; nội dung chương trình, cách thức đánh giá kết quả học tập.

2. Khung chương trình

Chương trình môn học ngoại ngữ cơ bản được chia thành các học phần sau:

- Trình độ ngoại ngữ bậc 1 gồm 2 học phần 1.1 và 1.2, mỗi học phần tương ứng với 4 tín chỉ;
- Trình độ ngoại ngữ bậc 2 gồm 2 học phần 2.1 và 2.2, mỗi học phần tương ứng với 4 tín chỉ;
- Trình độ ngoại ngữ bậc 3 gồm 2 học phần 3.1 và 3.2, mỗi học phần tương ứng với 4 tín chỉ.

Ngoài chương trình ngoại ngữ cơ bản các chuyên ngành đào tạo có thể bổ sung một số học phần tiếng Anh chuyên ngành.

3. Số lượng học phần, tín chỉ bắt buộc

a) Trình độ cao đẳng: học bắt buộc chính khóa 2 học phần **2.1** và **2.2**; các học phần 1.1 và 1.2 nếu chưa đạt sinh viên phải học ngoại khóa.

b) Trình độ đại học: học bắt buộc chính khóa 2 học phần **2.2** và **3.1**; các học phần 1.1, 1.2 và 2.1 nếu chưa đạt sinh viên phải học ngoại khóa.

c) Trình độ đại học Liên thông: học bắt buộc chính khóa 1 học phần **3.1**; các học phần trước đó nếu chưa đạt sinh viên phải học ngoại khóa.

d) Trình độ thạc sỹ: học bắt buộc chính khóa 1 học phần **3.2**; các học phần trước đó nếu chưa đạt học viên phải học ngoại khóa.

Điều 5. Nội dung chương trình môn học Ngoại ngữ

Nội dung các học phần được xây dựng theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 6. Biên soạn giáo trình và tổ chức thực hiện chương trình

1. Bộ môn Ngoại ngữ căn cứ vào Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và đặc điểm, tính chất của các ngành nghề đào tạo, điều kiện thực tiễn về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên tổ chức xây dựng chương trình các học phần, biên soạn giáo trình, tài liệu môn học để phục vụ cho việc dạy, học môn học ngoại ngữ trong trường. Chương trình các học phần phải đảm bảo tính kế thừa, logic và khoa học phù hợp về thời lượng và số tín chỉ được quy định tại điểm 2 Điều 4 của văn bản này.

2. Chương trình các học phần Ngoại ngữ chính khóa được thực hiện theo kế hoạch của phòng Đào tạo/Viện Sau đại học và bộ môn Ngoại ngữ.

3. Chương trình các học phần Ngoại ngữ ngoại khóa được thực hiện theo kế hoạch của phòng Đào tạo/Viện Sau đại học, bộ môn Ngoại ngữ, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học & BDVH, tuy nhiên sinh viên không phải bắt buộc đăng ký học.

4. Việc tổ chức dạy, học theo kế hoạch đào tạo của nhà trường nhằm đảm bảo sinh viên hoàn thành chương trình môn học Ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp; kết hợp giữa học chính khóa với học ngoại khóa theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 3 của quy định này.

5. Đối với đào tạo liên thông chính quy, các sinh viên chuyển từ trường khác đến, thời lượng chương trình môn học ngoại ngữ được xác định trên nguyên tắc bù trừ kiến thức còn thiếu ở các trình độ đào tạo trước đó.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ, CÔNG NHẬN CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ

Điều 7. Tổ chức kiểm tra trình độ ngoại ngữ

1. Sau khi sinh viên nhập học, phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với bộ môn Ngoại ngữ và Trung tâm dữ liệu & CNTT tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh đối với sinh viên mới. Những sinh viên sau không phải dự thi đầu vào:

- Đã có các chứng chỉ tiếng Anh Quốc tế nêu trong Phụ lục 1 còn hiệu lực hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương khác còn hiệu lực;

- Đã đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi tiếng Anh bậc Trung học Phổ thông cấp tỉnh trở lên trong vòng ba năm tính đến thời điểm nhập học;

- Có bằng cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh hoặc tương đương.

2. Kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh được sử dụng làm căn cứ để Trường phân loại, bố trí lớp học và chương trình học ngoại ngữ. Sinh viên sau khi kiểm tra trình độ tiếng Anh được phân loại thành hai nhóm:

Nhóm 1: Sinh viên có kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh đạt yêu cầu (tùy theo từng trình độ như trong điều 4) thì được xếp vào lớp chính khóa hoặc miễn học (nếu đạt).

Nhóm 2: Sinh viên có kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh chưa đạt yêu cầu (tùy theo từng trình độ như trong điều 4) và những sinh viên không dự kiểm tra thì được xếp vào lớp ngoại khóa để học và phải tự tích lũy bổ sung kiến thức để đạt được theo yêu cầu; Những sinh viên thuộc Nhóm 2 không được đăng ký học các học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo chính khóa và phải kiểm tra trình độ tiếng Anh vào các đợt tiếp theo.

3. Sau mỗi học kỳ Nhà trường sẽ tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh cho sinh viên và học viên.

4. Trước khi tốt nghiệp, Trường sẽ tổ chức kiểm tra trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên theo chuẩn đầu ra ngoại ngữ của trường ĐH GTVT TP HCM.

5. Đề thi kiểm tra chuẩn ngoại ngữ được ra theo dạng TOIEC và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 8. Miễn học, miễn thi học phần Ngoại ngữ

1. Sinh viên có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn hiệu lực (tính đến tháng mà sinh viên nộp đơn đề nghị miễn học, miễn thi) và sinh viên có bằng Cử nhân tiếng Anh được Nhà trường xem xét miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm cho học phần Tiếng Anh cơ bản như trong bảng 1.

2. Sinh viên chỉ được chuyển điểm theo quy định tại khoản 1 Điều này sau khi có quyết định của Hiệu trưởng về việc công nhận miễn học, miễn thi cho từng sinh viên.

3. Việc miễn học, miễn thi học phần tiếng Anh không áp dụng cho các học phần Tiếng Anh chuyên ngành (nếu có).

Bảng 1. Mức điểm quy đổi khi xét miễn học, miễn thi học phần Tiếng Anh cơ bản

Các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế				Các học phần Tiếng Anh cơ bản (điểm hệ 10)	
TOEIC	IELTS	TOEFL IBT	CEFR	Tiếng Anh cơ bản 1	Tiếng Anh cơ bản 2
350	3.5	43	70-89 KET 45-59 PET	5	
400	4.0	45	70-89 KET 45-59 PET	7.0	5
450	4.5	50	50-54 FCE 70-74 PET	8.0	7.5
550	5.0	55	45-59 FCE 75-79 PET	9.0	8.5
650	5.5	61	60-79 FCE 80-100 PET	10	10
Cử nhân Anh văn				10	10

4. Những sinh viên được miễn học, miễn thi và chuyển điểm phải hoàn thành nghĩa vụ lệ phí bảo lưu và chuyển điểm theo quy định.

Điều 9. Công nhận chứng chỉ Ngoại ngữ khi xét tốt nghiệp

Nhà trường chỉ công nhận các bằng/chứng chỉ Ngoại ngữ sau để xét tốt nghiệp:

1. Các chứng chỉ tiếng Anh Quốc tế do các đơn vị có uy tín và được phép cấp còn hiệu lực theo qui định;
2. Có bằng cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh hoặc tương đương.
3. Các chứng chỉ tiếng Anh do trường ĐH GTVT TP HCM cấp còn hiệu lực theo qui định (hiệu lực của chứng chỉ này là 24 tháng).
4. Các trường hợp đặc biệt khác do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 10. Quy trình thủ tục xin miễn thi, miễn học

1. Sinh viên thỏa mãn các điều kiện về miễn học, miễn thi nộp đơn theo mẫu (Phụ lục 2) cho phòng Đào tạo 01 tuần trước khi học kỳ bắt đầu (thời gian cụ thể theo thông báo của phòng Đào tạo); đơn kèm theo bản sao các văn bằng/chứng chỉ tiếng Anh (lưu ý: khi nộp sinh viên cần xuất trình bản gốc để kiểm tra và đối chiếu).

2. Phòng Đào tạo phối hợp với bộ môn Ngoại ngữ kiểm tra và báo cáo Hiệu trưởng ra quyết định công nhận việc miễn học, miễn thi và chuyển điểm cho sinh viên.

Điều 11 Lộ trình cho việc chuẩn hóa năng lực ngoại ngữ đối với cán bộ giảng dạy

1. Đối với cán bộ giảng dạy chuyên ngữ:

Đến hết 2017:



100% cán bộ giảng dạy tiếng Anh phải đạt trình độ tối thiểu bậc 5 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương.

50% số cán bộ giảng dạy tiếng Anh được tham gia các khóa tập huấn trong nước và quốc tế về “Đổi mới phương pháp dạy học”, “Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học”, “Phát triển khả năng nghiên cứu khoa học”.

2. Đối với cán bộ giảng dạy chuyên môn, chuyên ngành:

Đến hết 2017:

100% cán bộ giảng dạy chuyên môn, chuyên ngành là thạc sỹ phải đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương.

100% cán bộ giảng dạy chuyên môn, chuyên ngành có trình độ Tiến sỹ, Phó Giáo sư, Giáo sư phải đạt trình độ tiếng Anh bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương.

100% cán bộ giảng dạy các học phần cơ bản, chuyên ngành bằng tiếng Anh phải đạt trình độ tiếng Anh bậc 3.5 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương trở lên hoặc đã tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ tại nước ngoài mà tiếng Anh được sử dụng trong quá trình học tập.

3. Quy định được miễn đánh giá năng lực ngoại ngữ đối với cán bộ giảng dạy

a) *Cán bộ giảng dạy chuyên ngành không phải là giảng viên ngoại ngữ:*

Những người đã học và có bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ ở nước ngoài mà tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn Quốc là ngôn ngữ được sử dụng trong quá trình học tập.

Những người tốt nghiệp thạc sỹ và tiến sỹ trong nước đã có chứng chỉ ngoại ngữ B1 (đối với thạc sỹ) và B2 (đối với tiến sỹ) (chứng chỉ do các trường có đào tạo ngoại ngữ hoặc chứng chỉ do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học & BDVH trường ĐH GTVT TP HCM cấp) theo quy định của Bộ GD&ĐT (theo thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Những người có chứng chỉ ngoại ngữ B1 hoặc tương đương (đối với thạc sỹ), B2 hoặc tương đương (đối với tiến sỹ) do quốc tế cấp hoặc do các đơn vị trong nước được Bộ GD&ĐT công nhận cấp.

Những người đã có bằng đại học ngoại ngữ.

b) Quy định độ tuổi được miễn đánh giá năng lực ngoại ngữ

- **Đối với cán bộ giảng dạy chuyên ngữ:** Nam từ 50 tuổi và nữ từ 45 tuổi trở

lên (tại thời điểm 31/7/2017).

- **Đối với cán bộ giảng dạy các chuyên ngành khác:** Nam từ 50 tuổi và nữ từ 45 tuổi trở lên (tính tại thời điểm 31/7/2017).

Những cán bộ giảng dạy dưới độ tuổi quy định trên đều phải học và tham gia đánh giá chuẩn hóa năng lực ngoại ngữ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Khen thưởng, kỷ luật

Đối với cán bộ giảng dạy ngoại ngữ không đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định sẽ không được tham gia đào tạo bồi dưỡng, làm giám khảo tại các hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do Trường tổ chức. Đến hết tháng 12/2017, cán bộ giảng dạy chuyên ngữ không đạt trình độ bậc 5 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương sẽ phải xem xét khi phân công giảng dạy.

Đối với cán bộ giảng dạy tích cực học ngoại ngữ, thi đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định sẽ được ưu tiên trong việc xét đi đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ, hoặc tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn hoặc bồi dưỡng ngoại ngữ trong hoặc ngoài nước.

Áp dụng bình xét thi đua hàng năm, xét nâng lương sớm, phong học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư trong việc thực hiện chuẩn hóa năng lực ngoại ngữ đối với từng cán bộ giảng dạy, đặc biệt là cán bộ giảng dạy trẻ.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ học kỳ 1 năm học 2016 - 2017.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Đào tạo, viện Sau Đại học, Bộ môn Ngoại ngữ và các đơn vị có liên quan trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc, cần phản ánh kịp thời về Ban Giám hiệu để xem xét, giải quyết./.



PGS.TS. Nguyễn Văn Thư

PHỤ LỤC 1

**Bảng quy đổi chuẩn tiếng Anh được công nhận
tại trường Đại học Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh**

(CEFR)	IELTS	TOEIC	TOEFL PBT	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Test	KNLNN VN	UT Test
A1	3.0	300	345	96	32	45-69 KET	1	300
A2.1	3.5	350	401	126	43	70-89 KET 45-59 PET	2	350
A2.2	4.0	400	430	133	45	90-100 KET 60-69 PET	2.5	400
B1.1	4.5	500	450	150	50	50-54 FCE 70-74 PET	3	500
B1.2	5.0	550	477	160	55	45-59 FCE 75-79 PET	3.5	550
B2	5.5	650	500	190	61	60-79 FCE 80-100 PET	4	650
C1	6.5	800	577	230	90	60-79 CAE 80-100 FCE	5	800

PHỤ LỤC 2

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
XÉT CÔNG NHẬN ĐIỂM HỌC PHẦN TIẾNG ANH CƠ BẢN**

Kính gửi: **Phòng Đào tạo**
Bộ môn Ngoại ngữ

Tôi tên : Mã số SV:
Ngày sinh: Lớp: Số điện thoại:
Ngành đào tạo: Khoa:
Đã có bằng/chứng chỉ tiếng Anh: (nộp kèm theo)
Kết quả đạt: Ngày thi:

Căn cứ theo quy định hiện hành về miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm học phần tiếng Anh cơ bản tại trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh,

Kính đề nghị nhà trường cho tôi được xét miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm học phần tiếng Anh như sau:

Tiếng anh cơ bản 1 (006001) Điểm chuyển:

Tiếng anh cơ bản 1 (006002) Điểm chuyển:

Tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Trường về việc miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm học phần này.

Trân trọng cảm ơn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

Sinh viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phòng Đào tạo

Bộ môn Ngoại ngữ